TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27-12-2023
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đính.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Thống.

Ông Vũ Xuân Chính.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 133/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm: 1980 (xin vắng).

Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã V, huyện Ng, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Lê Hồng T1, sinh năm: 1978 (xin vắng).

Địa chỉ cư trú : Ấp N, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T trình bày yêu cầu:

Về hôn nhân: Bà T và ông Lê Hồng T1 tìm hiểu và tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào năm 1998, đến nay chưa đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân cũng không hàn gắn được hôn nhân, bà T yêu cầu ly hôn với ông T1.

Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung là Lê Hoàng Nh, sinh năm 1999 (nam); Lê Thị Hiếu Ngh, sinh năm 2003 (nữ); Lê Thị Hồng Ng, sinh ngày 06/12/2008 (nữ). Khi ly hôn, Nhơn và Nghĩa đã trưởng thành không đặt ra yêu cầu; cháu Ngọc theo ai thì người đó có trách nhiệm nuôi, không cấp dưỡng.

Về tài sản, nợ thu và trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Hồng T1, Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn pháp luật quy định đương sự không có văn bản trả lời về vụ việc. Tòa án tống đạt thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần, đương sự vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T và bị đơn ông Lê Hồng T1 có đơn xin xét xử vắng mặt yêu cầu của đương sự phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Lê Hồng T1 chung sống với nhau vào năm 1998, đến nay ông bà chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền.

Quá trình chung sống với nhau ông bà có những bất hòa không tự hàn gắn được, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau dẫn đến mất hạnh phúc, ông bà sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân cũng không giải quyết được mâu thuẫn, bà T yêu cầu ly hôn, ông T1 vắng mặt nên không có ý kiến.

Thấy rằng, bà T và ông T1 chung sống với nhau không đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân của ông bà không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Về con chung: Ông bà có 03 người con chung, hiện nay có 02 người đã trưởng thành sống tự lập được, bà T không đặt ra yêu cầu nên không xem xét. Riêng cháu Lê Thị Hồng Ng, sinh ngày 06/12/2008 (nữ) chưa thành niên, theo quan điểm của bà T xét nguyện vọng cháu sống chung với ai thì người đó nuôi dưỡng.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì con từ đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con; Tòa án làm việc cháu Ng, cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ nếu cha mẹ cháu ly hôn. Hội đồng xét

xử tôn trọng nguyện vọng của cháu, giao cháu cho bà T tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[3] Về chia tài sản chung và nợ thu, nợ trả: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự "*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*", do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch nguyên đơn phải chịu, nguyên đơn có nộp tạm ứng án phí được khấu trừ, án phí nguyên đơn đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Lê Hồng T1.

- Về con chung: Ông bà có 03 người con, 02 người con lớn đã trưởng thành đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Giao cho bà T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Thị Hồng Ng, sinh ngày 06/12/2008 (nữ). Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản và công nợ: Không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng nguyên đơn phải chịu, nguyên đơn có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0016273 ngày 03 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ, án phí hôn nhân nguyên đơn đã nộp đủ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

Án xử sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THA DS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Đính